

Bản án số: 563/2020/HS-PT

Ngày: 23-9-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 261/2020/HSPT ngày 06 tháng 7 năm 2020. Do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Khánh P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Các bị cáo:

1. **Trương Tấn P** (tên khác: Năng), sinh ngày 20/7/1990 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số 7/10, đường L, khu vực 2, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L và bà Trần Thị T (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Nguyễn Thị Thu O và Ngô Thị Ngọc T (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2008; tiền án: Ngày 16/12/2009, bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, chưa nộp tiền phạt và án phí dân sự; tiền sự: Ngày 18/9/2017, bị Công an quận B, thành phố Cần Thơ xử phạt số tiền 1.250.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”; bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2019

2. **Bùi Thế T**, sinh năm 1984 tại Vĩnh Long; thường trú: Số 314/13B, đường Cách Mạng Tháng 8, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số 3, khóm 2, đường N, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thế C và bà Lê Thị Ngọc T; hoàn cảnh gia

đình: có vợ tên Nguyễn Thị Minh L và có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: Ngày 05/7/2018, bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Cần Thơ xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2019

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Khánh P, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Số 16/32A, đường 30/4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số 4A Đồng Khởi, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ.

(Trong vụ án còn có các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Bùi Thế T và Trương Tấn P cùng làm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái trên địa bàn thành phố Cần Thơ và thị xã H - tỉnh Đồng Tháp nên quen biết nhau. Khoảng tháng 5/2018, do cần tiền chi xài cá nhân và trả nợ vay nên P bàn với T dùng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng rồi thuê xe ô tô mang đi thế chấp cho người khác lấy tiền chi xài. P trực tiếp thuê 06 xe ô tô các loại giao cho T đem đi cầm, số tiền cầm xe được P chia cho T một phần, còn lại T chiếm đoạt. Ngoài ra, T còn trực tiếp thuê 10 xe ô tô các loại và 03 xe mô tô mang đi thế chấp rồi chiếm đoạt tiền. Cụ thể:

Vụ 1: Ngày 07/5/2018, do cần tiền trả nợ nên P điện thoại cho T hỏi mượn tiền, T nói không có tiền nhưng muốn có tiền thì đưa xe ô tô cho T mang đi cầm. P liên hệ với Phạm Minh N thuê xe ô tô Toyota Innova biển số 65A – 117.82 với giá 700.000 đồng/ngày, thời gian thuê 07 ngày, mục đích thuê xe cho người khác thuê lại để hưởng tiền chênh lệch. Khi nhận được xe, P điện thoại cho T, T điện thoại cho Lê Văn H để giao xe cho H mang đi tiêu thụ được H đồng ý và kêu T mang xe lên thành phố Hồ Chí Minh để giao xe cho H. T thuê Trần Hữu T chạy xe lên thành phố Hồ Chí Minh và gửi vào bãi giữ xe gần chợ N, đường L, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; T điện thoại cho H biết và gửi phiếu xe cho ông Lê Văn V (anh) để V đưa lại cho H. Khi nhận được xe, H nhận cầm với số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng và H nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của T. Sau đó, T nói với P cầm xe được 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, T chuyển vào tài khoản của P với tổng số tiền là 36.000.000 đồng (giữ lại 4.000.000 đồng tiền lãi), số tiền còn lại T sử dụng. Quá trình điều tra, Bộ công an P hiện biển số xe 65A – 117.82 đang cất giữ tại nước Campuchia, hiện xe này chưa thu hồi được.

Vụ 2: Đầu tháng 5/2018, P thuê của ông Võ Thiệu P xe ô tô Toyota Innova biển số 65A – 045.77 với giá 600.000 đồng/ngày, thời gian thuê 07 ngày.

Khi nhận được xe, P đưa cho T đem xe đi cầm cho Lê V H được số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (trả lãi trước). Đến hạn trả xe, P không mang xe về trả nên ông P điện thoại đòi xe, P nhờ T nói với H để đem xe về, còn tiền thì trả lại sau nhưng H không đồng ý, H yêu cầu phải có xe khác để đổi. Đến ngày 11/5/2018, P thuê xe ô tô hiệu KIA K3 biển số 65A – 087.59 của Phạm Minh Nhựt với giá 600.000 đồng/ngày, thời hạn thuê 07 ngày; khi nhận được xe, P liên hệ với T, T liên hệ với H đồng ý nên T thuê Nguyễn Hoàng T liên hệ với H để giao xe ô tô biển số 65A – 087.59 và nhận lại xe ô tô biển số 65A – 045.77 về; H kêu Thành liên hệ với Lê Mã Trường K và Thành đã giao đổi xe với K tại cổng chào thành phố V – tỉnh Vĩnh Long, Thành nhận lại xe ô tô biển số 65A – 045.77 về giao lại cho T, T giao xe lại cho P, P giao trả xe lại cho ông P. Riêng xe ô tô biển số 65A – 087.59 chưa thu hồi được.

Vụ 3: Ngày 16/5/2018, P thuê của anh Nguyễn Kha Việt C xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 65A – 098.65 với giá 700.000 đồng/ngày, thời hạn thuê 15 ngày. Khi nhận được xe, P điện thoại cho T biết, T điện thoại cho Lê Văn H, H kêu T đem xe lên thành phố Hồ Chí Minh; T thuê Trần Hữu T lấy xe và đi cùng để giao xe cho H tại bãi xe gần chợ N, đường L, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Văn V lại nhận phiếu giữ xe về đưa cho H. H nhận cầm xe 100.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản của T, T chuyển tiền cầm xe vào tài khoản của P số tiền 36.000.000 đồng, số tiền còn lại T sử dụng, xe ô tô trên chưa thu hồi được.

Vụ 4: Ngày 21/5/2018, P thuê của ông Nguyễn Thế N xe ô tô hiệu Chevrolet loại bán tải biển số 95C – 029.49 với giá 14.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê 03 tháng. Khi nhận được xe, P điện thoại cho T biết, T liên hệ với Lê Văn H, H kêu T chạy xe đến bãi giữ xe tại số 79 Cao L, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh gửi vào bãi giữ xe rồi H đến nhận. Bùi Thế T thuê Trần Hữu T đến lấy xe và chạy xe đến địa chỉ trên và gửi vào bãi giữ xe. H nhận cầm xe 100.000.000 đồng, lãi 10%/tháng (trả trước) nên H chuyển trả vào tài khoản của T số tiền 90.000.000 đồng, T đưa lại cho P 36.000.000 đồng, số tiền còn lại T sử dụng.

Vụ 5: Ngày 26/5/2018, P điện thoại cho ông Trần Vũ T – Giám đốc dịch vụ du lịch Trường D hỏi thuê xe ô tô, Trường đồng ý. P ký hợp đồng thuê xe ô tô Toyota Innova biển số 65A – 030.24 với giá 600.000 đồng/ngày, thời gian thuê 07 ngày. Khi nhận được xe, P điện thoại cho T biết, ngày 27/5/2018 P giao xe cho T tại Trạm dừng chân P Trang thuộc huyện C – tỉnh Tiền Giang. T thuê Trần Hữu T và Lê V Của đến lấy xe và chạy xe đến bãi xe gần chợ Nhật T, đường L, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh gửi vào rồi mang phiếu giữ xe đưa cho ông Lê Văn V để đưa lại cho Lê Văn H. H nhận cầm xe này với số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng; H đưa cho T 72.000.000 đồng (lấy trước tiền lãi), T đưa lại cho P 27.000.000 đồng, số tiền còn lại T sử dụng cá nhân, xe ô tô trên chưa thu hồi được.

Vụ 6: Ngày 28/5/2018, P ký hợp đồng thuê của ông Lê Hoàng T xe ô tô Toyota Fortuner biển số 65A – 083.36 với giá 700.000 đồng/ngày, thời hạn thuê 15 ngày, T giao xe cho P tại bãi xe 79 đường M, phường A, quận N, thành phố

Cần Thơ. Khi nhận được xe, P điện thoại cho T biết, T điện thoại cho Lê Văn H và kêu P gửi xe vào Siêu thị B thuộc phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh và để chìa khóa xe dưới bánh xe trước ô tô rồi đi về. H nhận cầm xe này với số tiền 90.000.000 đồng và chuyển tiền cho T, T chuyển cho P số tiền cầm xe là 36.000.000 đồng, còn lại T sử dụng, xe ô tô này chưa thu hồi được.

Tại kết luận định giá số: 22/KL.ĐGTS ngày 25/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở tài chính thành phố Cần Thơ kết luận giá xe ô tô đã qua sử dụng là: Xe ô tô hiệu Toyota biển số 65A – 117.82 là 534.893.130 đồng; xe ô tô hiệu KIA biển số 65A – 087.59 là 335.316.150 đồng; xe ô tô hiệu Toyota biển số 65A – 098.65 có giá 769.376.880 đồng; xe ô tô hiệu Chevrolet biển số 95C – 029.49 là 506.181.060 đồng; xe ô tô hiệu Toyota biển số 65A – 030.24 là 430.000.000 đồng, xe ô tô hiệu Toyota biển số 65A – 083.36 là 677.036.880 đồng. Tổng giá trị của 06 xe ô tô trên là 3.252.804.100 đồng.

Ngoài ra, Bùi Thế T còn thuê xe ô tô các loại và mua xe mô tô rồi đem cầm hoặc bán cho người khác để chiếm đoạt tiền, cụ thể:

Vụ 1: Ngày 05/01/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc H ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo biển số 65A – 132.81 với giá 12.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê 03 tháng, mục đích thuê xe mang về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho thuê lại. Do thiếu nợ Lê Văn H 100.000.000 đồng không có tiền trả nên H yêu cầu T đem xe ô tô trên giao cho H đến khi nào T trả đủ tiền thì nhận lại xe, T đồng ý. H kêu T đem xe ô tô gửi vào bãi giữ xe “T” của ông Nguyễn Hoàng L ngụ khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, H đến nhận xe sau. Đến tháng 8/2018, xe bị tai nạn hư hỏng nên H kêu T qua thành phố Ln, tỉnh An Giang lấy xe về sửa chữa; khi sửa xe xong, T thuê Nguyễn Hoàng T điều khiển xe giao lại cho H tại bãi giữ xe “T”. Quá trình điều tra, Cục tình báo Bộ công an P hiện biển số xe 65A – 132.81 đang cất giữ tại Campuchia, xe chưa thu hồi được.

Vụ 2: Tháng 01/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc H tiếp tục ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios E biển số 65A – 087.28 với giá 15.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê 03 tháng, mục đích thuê xe mang về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho thuê lại. Đến giữa tháng 4/2018, do không có tiền trả nợ nên T liên hệ với Lê Văn H để cầm xe này với số tiền 100.000.000 đồng, H đồng ý và kêu T đem xe qua bãi giữ xe “L” thuộc khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ gửi vào bãi xe; T thuê Nguyễn Hoàng T chạy xe gửi vào bãi giữ xe “Long L”. Khi nhận được xe, H nhờ ông Lê Văn H chuyển vào tài khoản của T số tiền 100.000.000 đồng, xe ô tô này chưa thu hồi được.

Vụ 3: Khoảng tháng 5/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc H tiếp tục ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios E biển số 65A – 135.09 với giá 14.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê 03 tháng, khi nào cần xe thì H báo trước cho T từ 02 đến 07 ngày để T đem xe về trả, khi thuê được xe, T chạy về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho nhiều người thuê lại. Đến khoảng tháng 8/2018, T không có tiền trả nợ nên liên hệ với Lê Mã Trường K thỏa thuận cầm xe ô tô với giá 100.000.000 đồng, K đồng ý. T thuê Lê Văn C chạy xe lên thành phố Hồ Chí

Minh giao cho K tại Hồ Kỳ H, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, K lấy trước 10.000.000 đồng tiền lãi và chuyển vào tài khoản cho T số tiền 90.000.000 đồng. Hiện xe ô tô trên đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh thu giữ trong vụ án khác, chưa bàn giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ để trả cho chủ sở hữu.

Vụ 4: Khoảng tháng 6/2018, T đến dịch vụ du lịch Trường H gặp Trần Ngọc H ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios E biển số 65A – 122.12 với giá 14.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê 03 tháng. Khi thuê được xe, T thuê Nguyễn Hoàng T chạy xe này lên thành phố Hồ Chí Minh giao cho Lê Mã Trường K để K đưa xe cho Lê Văn H. Khoảng 02 ngày sau, H điện thoại cho T lên bãi xe 79, Cao Lỗ, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh nhận xe ô tô biển số 65A – 124.76 về, T tiếp tục thuê T lên lấy xe về trả cho dịch vụ du lịch T. Xe ô tô biển số 65A – 122.12 đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với xe ô tô biển số 65A – 124.76 do Trương Tấn P thuê của ông Trần Ngọc H (Dịch vụ du lịch T) vào ngày 31/5/2018, P đưa cho T cầm cho Lê Văn H. Do không thấy xe hoạt động nên giữa tháng 6/2018 dịch vụ du lịch T điện thoại cho P lấy xe lại nhưng không liên lạc được, Hiếu nhờ T liên hệ với P và P chuyển cho T 31.000.000 đồng, T đã chuộc xe ô tô biển số 65A – 124.76 về trả cho Dịch vụ du lịch T.

Vụ 5: Ngày 21/7/2018, T đến Dịch vụ du lịch T gặp Nguyễn Bạch V ký hợp đồng thuê xe ô tô bán tải hiệu Ford biển số 63C – 072.17 với giá 18.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 3 tháng. Khi thuê được xe, T thuê Nguyễn Hoàng T chạy xe về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho người khác thuê lại. Đến tháng 8/2018, do không có tiền trả nợ nên T liên hệ với Lê Mã Trường K cầm xe ô tô này lấy số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (lãi trả trước), K đồng ý và yêu cầu T giao xe tại ngã ba An Thái Trung, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. T thuê Lê Văn Cửa chạy xe giao cho K nhưng K không nhận mà nhờ người khác đến nhận xe (chưa xác định được). Khi nhận được xe, K đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản cho T với tổng số tiền 90.000.000 đồng (đã trừ 10.000.000 đồng tiền lãi), xe chưa thu hồi được.

Vụ 6: Giữa tháng 8/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc Hiếu ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 66A – 059.65 với giá 800.000 đồng/ngày, 10 ngày trả tiền thuê xe một lần. Khi nhận được xe, T thuê Lê Văn Cửa chạy xe về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho thuê lại. Khoảng tháng 9/2018, Lê Văn H điện thoại cho T nói đang kẹt tiền và hỏi T có xe nào đưa cho H cầm để lấy tiền tiêu xài, T trả lời có xe Fortuner. Sau đó, T thuê Lê Văn Cửa chạy xe lên thành phố Hồ Chí Minh giao xe cho Lê Mã Trường K, H đem xe đi cầm được số tiền 100.000.000 đồng. H chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của T; còn lại 50.000.000 đồng T thuê Lê Văn Cửa, Nguyễn Lê Phú T liên hệ với K lấy tiền về đưa lại cho T, xe ô tô biển số 66A – 059.65 đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

Vụ 7: Tháng 9/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc H ký hợp đồng thuê xe ô tô hiệu Hyundai I10 biển số 65A – 123.78 với giá 500.000

đồng/ngày, 10 ngày trả tiền thuê xe 01 lần. Khi thuê được xe, T đem xe về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp để cho thuê lại. Đến giữa tháng 10/2018, Lê Văn H từ Campuchia điện thoại cho T hỏi mượn xe ô tô sử dụng, T nói có xe Hyundai I10. Sau đó, T chạy lại bãi rửa xe của anh Trần Tuấn K – số 22 đường V, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp gửi xe vào bãi. Sau khi H đến lấy xe, khoảng 02 đến 03 ngày T điện thoại cho H nói cần vài chục triệu để trả nợ, H nói cầm xe này đưa tiền cho T, T đồng ý. Sau đó, H kêu T đến huyện T, tỉnh Đồng Tháp gặp H để nhận 20.000.000 đồng và sau đó H chuyển vào tài khoản của T số tiền 20.000.000 đồng. Xe ô tô biển số 65A – 123.78 đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

Vụ 8: Ngày 24/10/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc H thuê xe ô tô biển số 65A – 001.95 với giá 500.000 đồng/ngày, 10 ngày trả tiền thuê xe 01 lần. Đến ngày 03/11/2018, Hiếu yêu cầu T trả lại xe này và đổi cho T xe khác, được hai bên đồng ý. Sau đó, Nguyễn Bạch Vân (nhân viên Dịch vụ du lịch T) điều khiển xe ô tô Toyota Vios biển số 65A – 130.01 đến thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang gặp T và hai bên tiến hành trao đổi xe. Đổi xe xong, H kêu T điều khiển xe biển số 65A – 130.01 gửi vào bãi giữ xe tại bến xe Châu Đốc, tỉnh An Giang. Sau đó, T đi sang Campuchia và liên hệ với H là đã gửi xe, H nói với T giao xe cho Lê Mã Trường K, T đem chìa khóa xe gửi cho chú Hai (ở Campuchia) đưa lại cho K. Sau đó, K lấy xe về thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. Đến ngày 05/11/2018, K điện thoại cho T biết xe cầm được 3.500USD và đã chuyển hết tiền sang Campuchia cho Nguyễn Thị A (vợ H) nhận, H chỉ đưa cho T 500USD, xe ô tô biển số 65A – 130.01 chưa thu hồi được.

Vụ 9: Cuối tháng 9/2018, T đến dịch vụ du lịch T gặp Trần Ngọc H ký hợp đồng thuê xe ô tô Mazda CX5 biển số 64A – 049.90 với giá 700.000 đồng/ngày, 10 ngày trả tiền thuê xe 01 lần. Khi thuê được xe, T đem xe về thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cho người khác thuê lại. Đến khoảng tháng 10/2018, T cần tiền trả nợ nên liên hệ cầm xe cho Lê Văn H, H kêu T chạy xe lên thành phố Hồ Chí Minh gửi vào bãi giữ xe đường A (không rõ địa chỉ), H kêu Lê Văn V đến gặp T lấy phiếu giữ xe và đưa cho Lê Mã Trường K, K cầm xe này được 100.000.000 đồng và đã nhiều lần chuyển tiền số tiền này vào tài khoản cho T, xe ô tô chưa thu hồi được.

Vụ 10: Ngày 12/9/2018, Bùi Thế T thỏa thuận với Nguyễn Đức T thuê xe ô tô KIA RIO biển số 66A – 044.74 với giá 12.000.000 đồng/tháng, thời gian thuê 01 tháng, 10 ngày trả tiền thuê xe 01 lần. Sau khi thuê được xe, T liên hệ với Lê Mã Trường K để cầm xe này với số tiền 70.000.000 đồng, K đồng ý và kêu T chạy xe lên thành phố Hồ Chí Minh gửi xe vào bãi xe tại khu vực Hồ Kỳ Hòa, quận 10. T thuê Lê Văn C chạy xe đến nơi hẹn, gửi xe vào bãi giữ xe rồi đưa phiếu xe cho K giữ và K đã nhiều lần chuyển vào tài khoản cho T với tổng số tiền 70.000.000 đồng, xe ô tô trên chưa thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá số: 27/KL.ĐGTS ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở tài chính thành phố Cần Thơ kết luận giá tài sản: Xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 66A – 059.65 là 850.000.000 đồng; xe ô tô hiệu Toyota Vios E biển số 65A – 122.12 là 460.000.000 đồng; xe

ô tô hiệu Hyundai Grand I10 biển số 65A – 123.78 là 330.000.000 đồng; xe ô tô hiệu Ford Ranger XLS biển số 63C – 072.17 là 490.000.000 đồng; xe ô tô hiệu Toyota Vios E biển số 65A – 130.01 là 471.847.000 đồng; xe ô tô hiệu Toyota Vios E biển số 65A – 135.09 là 512.100.000 đồng; xe ô tô hiệu Toyota Innova E biển số 65A – 087.28 là 599.761.000 đồng; xe ô tô hiệu Mazda biển số 64A – 049.90 là 824.023.000 đồng; xe ô tô hiệu Cheverolet biển số 65A – 132.81 là 442.827.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số: 23/KL.HĐĐG ngày 22/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp kết luận: Xe ô tô hiệu Kia Rio biển số 66A – 044.74 là 452.000.000 đồng.

Vụ 11: Ngày 11/4/2016, T thỏa thuận với ông Nguyễn Khánh P mua xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 65B1 – 441.45 với số tiền 50.000.000 đồng, T trả trước 5.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả đủ trong thời hạn từ 02 đến 03 tháng và chịu lãi suất 5%/tháng nhưng sau đó T không trả tiếp tiền cho ông P. Đến ngày 11/7/2016, T mang xe đi cầm cho Trần Nguyên V (V đen) để lấy số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, T thỏa thuận bán xe này cho ông Bùi Phi Sơn với số tiền 48.000.000 đồng, T yêu cầu ông Sơn trả trước 23.000.000 đồng để chuộc xe ra và giao cho ông S; số tiền còn lại sẽ trả đủ khi T hoàn thành thủ tục sang tên cho ông S. Khi ông S sử dụng xe chạy trên đường thì ông P P hiện nên yêu cầu ông S trả lại xe nhưng ông S không đồng ý mà mang xe về trả lại cho T, T đem xe đi cầm nơi khác và trả lại cho ông Sơn 20.000.000 đồng. Ngày 01/11/2016, bà Tiêu Thị Hồng V lập thủ tục sang tên đối với xe này và được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua xác minh, bà V hiện vắng mặt tại địa P, chưa làm việc được nên chưa thu hồi xe để trả lại cho chủ sở hữu.

Vụ 12: Ngày 10/5/2016, T thỏa thuận với ông Nguyễn Khánh P mua xe mô tô hiệu Honda Rebel biển số 65B1 – 029.99 với số tiền 30.000.000 đồng, T trả trước 3.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả đủ trong thời hạn từ 02 đến 03 tháng và chịu lãi suất 5%/tháng. Ngày 10/8/2016, T mang xe đi cầm cho Trần Nguyên V (V) với số tiền 15.000.000 đồng. Do T không chuộc xe nên đến tháng 6/2018, V đã bán xe này cho ông Nguyễn Văn N với số tiền 45.000.000 đồng, đã làm thủ tục sang tên cho ông N và ông N đã được cấp lại giấy đăng ký xe. Qua xác minh, chủ sở hữu xe biển số 65B1 – 029.99 là ông Quách Nguyễn Ngọc G, ông G cầm xe cho ông P nhưng không chuộc lại nên ông P bán xe này cho T. Hiện nay ông Giang và ông N không có mặt tại địa P nên không làm rõ được việc mua bán xe.

Vụ 13: Ngày 13/6/2016, T thỏa thuận với ông Nguyễn Khánh P mua xe mô tô hiệu Honda SH 300i biển số 65A1–000.78 với số tiền 130.000.000 đồng, T trả trước 5.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả đủ trong thời hạn từ 02 đến 03 tháng và chịu lãi suất 5%/tháng. Đến ngày 13/9/2016, T không trả tiền mua xe mà đem xe đi cầm cho Trần Nguyên V (V đen) với số tiền 40.000.000 đồng. Do T không chuộc lại xe nên ngày 09/12/2016, ông Trần N đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe sang tên ông Nc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL.ĐGTS ngày 14/8/2019 của Hội

đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Sở tài chính thành phố Cần Thơ kết luận giá tài sản: Xe mô tô hiệu SH Mode biển số 65B1 – 441.45 là 24.000.000 đồng; xe mô tô hiệu Rebel biển số 65B1 – 029.99 là 8.000.000 đồng; xe mô tô hiệu SH 300i biển số 65A1 – 000.78 là 54.000.000 đồng.

Tổng số tiền Bùi Thế T trực tiếp chiếm đoạt 10 xe ô tô và 03 xe mô tô các loại là 5.518.635.000 đồng. Các xe ô tô T đã cầm cho Lê Văn H với số tiền 340.000.000 đồng và cầm cho Lê Mã Trường K số tiền 370.000.000 đồng và 3.500 USD.

Trương Tấn P thuê tổng cộng 06 xe ô tô đưa cho Bùi Thế T mang đi cầm cho Lê Văn H và Lê Mã Trường K với số tiền 620.000.000 đồng; T đưa cho P số tiền 270.000.000 đồng, T sử dụng chi xài cá nhân 350.000.000 đồng

Quá trình điều tra xác định, vào ngày 24/10/2018 Lê Văn H bị Cục Cảnh sát hình sự - Campuchia bắt tạm giam cùng tang vật là 03 xe ô tô biển số 66A – 059.65, 65A – 122.12, 65A – 123.78 và đã bàn giao các xe này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ để trả lại cho chủ sở hữu. Đồng thời, Bộ công an còn cung cấp bản ảnh các biển số xe 65A – 132.81, 65A – 117.82, 95C – 029.49 đang cất giữ tại Campuchia.

Hiện còn 13 xe ô tô chưa thu hồi được, trong đó có 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios biển số 65A – 135.09 hiện Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đang tạm giữ trong vụ án hình sự khác và đang trong giai đoạn điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Bùi Thế T bồi thường cho ông Nguyễn Khánh P số tiền 170.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Honda SH biển số 65A1 – 000.78 tên Nguyễn Khánh P, 01 giấy đăng ký xe Honda Shmode biển số 65B1 – 441.45 tên Nguyễn Thị Ngọc M và 01 giấy đăng ký xe Honda Rebel biển số 65B1 – 029.99 tên Quách Nguyễn Ngọc Giang do ông Nguyễn Khánh P giao nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 28/5/2020, bị hại Nguyễn Khánh P kháng cáo phần dân sự trong bản án, cụ thể: yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng buộc bị cáo Bùi Thế T bồi thường cho ông 03 chiếc xe mô tô mà bị cáo T đã mua của ông; tuyên hủy các giấy chứng nhận đăng ký xe sau này và trả lại cho ông bản gốc các giấy tờ xe của 03 chiếc xe ông đã nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại – ông Nguyễn Khánh P trình bày: Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Bùi

Thế T bồi thường cho ông số tiền 170.000.000 đồng, ông không đồng ý vì ông yêu cầu bị cáo T trả lại cho ông 03 chiếc xe cụ thể: Xe mô tô hiệu SH Mode biển số 65B1 – 441.45, xe mô tô hiệu Rebel biển số 65B1 – 029.99, xe mô tô hiệu SH 300i biển số 65A1 – 000.78 và trả lại cho ông bản chính các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gồm xe Honda SH biển số 65A1 – 000.78 tên Nguyễn Khánh P, giấy đăng ký xe Honda Shmode biển số 65B1 – 441.45 tên Nguyễn Thị Ngọc M và giấy đăng ký xe Honda Rebel biển số 65B1 – 029.99 tên Quách Nguyễn Ngọc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa P biểu ý kiến như sau: Bị hại Nguyễn Khánh P kháng cáo yêu cầu được nhận lại 03 xe mô tô mà T đã chiếm đoạt, xem xét hủy 03 giấy chứng nhận đăng ký mới sau này và nhận lại 03 giấy đăng ký xe gốc đối với 03 chiếc xe mô tô. Xét thấy: Trong vụ án, 03 chiếc xe mô tô BKS lần lượt là 65 B1 441-75; 65 B1 029-99 và 65A1 000-78 có nguồn gốc đăng ký lần đầu là Nguyễn Thị Ngọc M, Quách Nguyễn Ngọc G và Lê Bá T sau đó bán và sang tên cho Nguyễn Khánh P (Các xe 65 B1 441-75; 65 B1 029-99 được chủ sở hữu cầm cố thế chấp cho Nguyễn Khánh P sau đó thì bán luôn cho P). Vào các ngày 11/4/2016, 10/5/2016, 13/6/2016, Bùi Thế T lần lượt mua 03 chiếc xe này của P với P thức trả trước lần lượt 5.000.000đ, 3.000.000đ và 5.000.000đ nợ lại 197 triệu đối với 3 xe, sau đó bị cáo T thế chấp các xe máy này cho Trần Nguyên Vũ lấy 75 triệu tiêu xài và bỏ mặc xe cho Vũ tự xoay sở. Riêng chiếc xe SH Mode, T chuộc lại bán cho Bùi Phi Sơn, Sơn sử dụng xe này đi lại bị ông P P hiện đòi giữ lại thì Sơn đem trả xe cho T đòi tiền lại, T tiếp tục thế chấp xe chỗ khác lấy tiền trả cho Sơn rồi bỏ xe luôn. Sau này, chiếc xe này đã được sang tên cho Tiêu Thị Hồng Vân vào ngày 30/12/2016. Xe máy nhãn hiệu Rebel BS 65 B1 029-99 được Vũ bán cho Nguyễn Văn Năm và đã được sang tên ngày 12/7/2018, xe hiện tại đang do Nguyễn Văn Năm quản lý, sử dụng và hứa bảo quản để cơ quan pháp luật xử lý theo pháp luật; Xe máy nhãn hiệu SH 300i BKS 65A1 000-78 được Vũ đem đi cầm cố cho Lê Văn Hoàng, sau đó Hoàng bán cho Lê Hoàng Kết và đã được sang tên ngày 01/12/2017, xe hiện tại được Lê Hoàng Kết tự nguyện giao cho cơ quan điều tra. Như vậy 03 chiếc xe được xác định trị giá 86.000.000 đồng là tang vật của vụ án, về trách nhiệm hình sự án sơ thẩm khẳng định bị cáo Bùi Thế T phải chịu trách nhiệm đối với giá trị tài sản chiếm đoạt này. Qua điều tra các xe này đã được sang tên một cách trái pháp luật nên nhận định của án sơ thẩm cho rằng các ông bà Tiêu Thị Hồng Vân, Nguyễn Văn Năm, Lê Hoàng Kết đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký theo qui định của pháp luật nên việc thu hồi trả lại xe cho ông P không có căn cứ là nhận định không đúng với qui định của pháp luật về xử lý vật chứng gây thiệt hại cho người bị hại và cho cả bị cáo bởi lẽ: tang vật của vụ án đã được xác định, nhưng không được thu hồi, bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về giá trị tài sản chiếm đoạt 86 triệu nhưng buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 170 triệu về trách nhiệm dân sự là bất lợi cho bị cáo. Trong khi 03 giấy đăng ký xe mô tô đứng tên: Tiêu Thị Hồng Vân, Nguyễn Văn Năm, Lê Hoàng Kết được cấp trong thời điểm các xe mô tô này được xác định bị Bùi Thế T chiếm đoạt thì lại được Tòa sơ thẩm cho là hợp pháp và án tuyên công nhận những Giấy đăng ký xe này và tuyên tịch thu tiêu

hủy các giấy đăng ký xe gốc trước đó trong khi án sơ thẩm không có nội dung nào thể hiện việc xử lý tang vật là chưa đầy đủ, đây là thiếu sót cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần hủy 01 phần bản án về việc xử lý vật chứng liên quan đến xử lý và bồi thường 03 chiếc mô tô theo kháng cáo của Nguyễn Khánh P. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, Điều 355, Điều 358 BLTTHS: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Khánh P; Hủy 01 phần án sơ thẩm về phần dân sự và xử lý vật chứng liên quan đến 03 chiếc xe mô tô là tang vật của vụ án do Bùi Thế T chiếm đoạt của Nguyễn Khánh P để điều tra và xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời trình bày của của người bị hại ông Nguyễn Khánh P và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại là ông Nguyễn Thái T tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Tấn P và Bùi Thế T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2]. Đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Khánh P nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Khánh P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Bùi Thế T đã thực hiện việc mua bán và có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản là 03 (ba) chiếc xe mô tô nêu trên. Sau đó, bị cáo T đem cầm cố, thế chấp cho người liên quan. Sau khi người bị hại P hiện hành vi của bị cáo đã tố giác để thu hồi tang vật. Bị cáo Bùi Thế T lần lượt mua các xe của người bị hại Nguyễn Khánh P như sau: Xe mô tô biển số 65B1-441.45, xe mô tô biển số 65B1 – 029.99 và xe mô tô 65A1 – 000.78 nhưng không T toán tiền như thỏa thuận mà mang các xe mô tô này đi cầm cố cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sau đó những người này làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu xe trên. Hội đồng xét xử xét đây là tang vật trong vụ án hình sự (Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) nhưng Cơ quan điều tra và cấp sơ thẩm chấp nhận việc đăng ký chủ sở hữu và công nhận họ là các chủ sở hữu hợp pháp tài sản trên là không đúng quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Khánh P và yêu cầu thu hồi 03 (ba) chiếc xe mô tô trên từ những người liên quan là bà Tiêu Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Văn Năm và ông Lê Hoàng Kết để trả lại cho ông P. Đồng thời hủy các giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bà Vân, ông Năm, ông Kết. Trả lại 03 giấy chứng nhận xe mô tô bản gốc cho ông P là phù hợp.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Khánh P, sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Honda SH biển số 65A1 – 000.78 tên Nguyễn Khánh P, 01 giấy đăng ký xe Honda Shmode biển số 65B1 – 441.45 tên Nguyễn Thị Ngọc M và 01 giấy đăng ký xe Honda Rebel biển số 65B1 – 029.99 tên Quách Nguyễn Ngọc G do ông Nguyễn Khánh P giao nộp và 03 (ba) chiếc: Xe mô tô biển số 65B1 – 441.45, hiệu Honda SHMODE, màu đỏ đen, số máy: JF51E0043271, số khung: RLHJF5107DY043210; Xe mô tô biển số 65B1 – 029.99, hiệu Rebel RB125, màu đen, số máy: VZS244FMIA001193, số khung: RRJ8GJ4RJAX001193; Xe mô tô biển số 65A1 – 000.78, hiệu Honda SH300I, màu trắng, số máy: NF02E5017278, số khung: ZDCNF02A07F017402 cho ông P.

Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) giấy chứng nhận xe mô tô mang tên Tiêu Thị Hồng V, Nguyễn Văn N và Lê Hoàng K.

Ông Nguyễn Khánh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Dành quyền khởi kiện cho các đương sự có liên quan là bà Tiêu Thị Hồng Vân, ông Nguyễn Văn Năm, ông Lê Hoàng K khi có yêu cầu bằng vụ án dân sự liên quan đến tài sản nêu trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ ;
- Trại tạm giam công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh